TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BGI** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố BGi .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TL .

Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Diamond Flower, số 48, đường LVL , khu đô thị mới N1, phường NhCh , quận ThX , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Sỹ B1 , chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H1 , sinh năm 1974, (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 56, đường NgĐT , phường HVTh , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Công ty SM.

Địa chỉ: Số 30, ngõ 1098, đường HHTh , xã SM , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Lê N2 , chức vụ: Giám đốc.

Hiện ông Trần Lê N2 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty TL là ông Nguyễn Văn Hà trình bày:*

Ngày 20/06/2019, Công ty TL (gọi tắt là Công ty TL) và Công ty SM (gọi tắt là Công ty SM) ký Hợp đồng mua bán gạo số 01/HĐMB/TL-SM (gọi tắt là Hợp đồng). Sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, trên cơ sở đặt hàng của Công ty SM được Công ty TL đồng ý, Công ty TL đã giao cho Công ty SM đầy đủ hàng hóa và chứng từ thanh toán theo đúng đơn đặt hàng và quy định của hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận hàng và chứng từ thanh toán, Công ty SM đã không thanh toán tiền mua gạo cho Công ty TL theo quy định của hợp đồng.

Theo Biên bản bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 11/10/2019 giữa Công ty TL và Công ty SM , tổng tiền hàng Công ty SM còn nợ Công ty TL (chưa bao gồm tiền phạt và tiền lãi) tính đến ngày 11/10/2019 là 360.295.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng). Đồng thời, do Công ty SM đã vi phạm quy định thanh toán vì vậy theo quy định tại khoản 6.1 Điều 6 hợp Đồng đã ký, Công ty SM chịu phạt vi phạm 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm tương ứng với số tiền 18.014.750 đồng (Mười tám triệu không trăm mười bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Ngoài ra, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty TL được quyền yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán.

Công ty TL đã nhiều lần gửi văn bản, điện thoại và cử nhân sự trực tiếp đến làm việc với Công ty SM yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, Công ty SM vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TL .

Để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TL khởi kiện buộc Công ty SM :

1. Phải trả cho Công ty TL số tiền là: 378.309.750 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm linh chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó gồm:

Số tiền nợ gốc là: 360.295.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng).

Số tiền phạt vi phạm Hợp Đồng là: 18.014.750 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu không trăm mười bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

2. Phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán cho Công ty TL theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày hết hạn thanh toán cho đến ngày hoàn thành thanh toán): tạm tính theo mức lãi suất 10%/năm và tạm tính đến ngày 31/10/2021 là 71.563.073 đồng (Bảy mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bảy mươi ba đồng) theo bảng tạm tính tiền lãi chậm thanh toán kèm theo.

Tổng cộng nợ gốc, tiền phạt vi phạm và lãi chậm thanh toán tạm tính đến 31/10/2021 theo lãi suất 10%/năm mà Công ty SM phải thanh toán cho Công ty TL là: 449.872.823 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng) và khoản tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/11/2021 đến khi Công ty SM hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với yêu cầu buộc Công ty SM phải trả số tiền gốc là 360.295.000 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 18.014.750 đồng. Còn đối với số tiền lãi chậm trả thì yêu cầu Công ty SM phải trả kể từ thời điểm chậm trả đến khi xét xử sơ thẩm. Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng:

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 7/2019 thì số tiền phạt mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL là 6.132.000 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 8/2019 thì số tiền phạt mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL là 5.045.625 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 9/2019 thì số tiền phạt mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL là 4.402.125 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 10/2019 thì số tiền phạt mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL là 2.435.000 đồng.

Vậy tổng số tiền phạt vi phạm hợp đồng công ty SM phải trả cho Công ty TL là 18.014.750 đồng.

- Đối với số tiền lãi chậm trả:

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 7/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/10/2019 đến ngày 21/03/2022) thì số tiền lãi chậm trả là 30.307.200 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 8/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/11/2019 đến ngày 21/03/2022) thì số tiền lãi chậm trả là 24.080.764 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 9/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/12/2019 đến ngày 21/03/2022) thì số tiền lãi chậm trả là 20.285.957 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 10/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến ngày 21/03/2022) thì số tiền lãi chậm trả là 10.807.397 đồng.

Vậy, tổng số tiền lãi chậm trả mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL cho đến khi xét xử sơ thẩm là 85.481.318 đồng.

** Bị đơn là Công ty SM do ông Trần Lê N2 là đại diện theo pháp luật trình bày:*

Hiện nay, tôi vẫn là đại diện theo pháp luật của Công ty SM (gọi tắt là Công ty SM). Trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty thì Công ty SM có ký Hợp đồng mua bán gạo số 01/HĐMB/TL-SM ngày 20/6/2019 với Công ty TL (gọi tắt là Công ty TL). Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TL đã cung cấp mặt hàng gạo cho Công ty SM đầy đủ vào các tháng 7, tháng 8, tháng 9, tháng 10 năm 2019. Từ khi Công ty TL cung cấp gạo cho Công ty SM thì Công ty SM cũng chưa thanh toán được khoản tiền nào cho Công ty TL . Đến

ngày 11/10/2019, các bên có đối chiếu công nợ và xác nhận nợ. Các bên đã chốt lại là Công ty SM còn nợ Công ty TL tổng số tiền là 360.295.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng). Nay Công ty TL khởi kiện Công ty SM phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2021 là 449.872.823 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm hai mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 360.295.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 71.563.073 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 18.014.750 đồng. Công ty SM không có ý kiến gì. Tuy nhiên, Công ty SM hiện đang gặp khó khăn nên đề nghị Công ty TL tạo điều kiện trả dần.

Tại biên bản xác minh ngày 15/12/2021 đối với ông Hoàng Văn Việt, Cán bộ phòng Hồ sơ Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang cho biết: Hiện nay ông Trần Lê N2 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Tại Công văn số 15/CV-ĐKKD ngày 20/01/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty SM thì hiện nay người đại diện theo pháp luật là ông Trần Lê N2 , sinh ngày 03/6/1981; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 30, ngõ 1098, đường HHTh , xã SM , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 50; Điều 55; Điều 300; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty SM phải trả cho Công ty TL tổng số tiền là 463.524.286 đồng (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 360.295.000 đồng; tiền phạt hợp đồng là 18.014.750 đồng, tiền lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 21/3/2022 là 85.214.536 đồng.

2. Án phí: Công ty SM phải chịu 22.540.900 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TL tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Khi thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" tuy nhiên khi xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu khởi kiện của Công ty TL gồm số tiền thanh toán hàng hóa, tiền lãi chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng nên cần xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TL đối với Công ty SM về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BGi theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, nên thời hiệu khởi kiện của vụ án là 03 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Ngày 20/06/2019, Công ty TL và Công ty SM ký Hợp đồng mua bán gạo số 01/HĐMB/TL-SM. Sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, trên cơ sở đặt hàng của Công ty SM được Công ty TL đồng ý, Công ty TL đã giao

cho Công ty SM đầy đủ hàng hóa và chứng từ thanh toán theo đúng đơn đặt hàng và quy định của hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi nhận hàng và chứng từ thanh toán, Công ty SM đã không thanh toán tiền mua gạo cho Công ty TL theo quy định của hợp đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TL khởi kiện đối với Công ty SM . Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với số tiền nợ gốc là: 360.295.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn): Theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 11/10/2019, giữa Công ty TL và Công ty SM , tổng tiền mà Công ty SM còn nợ Công ty TL là 360.295.000 đồng. Tại bản tự khai của các đương sự thì cũng thừa nhận việc các bên chốt công nợ và đến nay các bên cũng chưa thanh toán cho nhau được phần nào trong số tiền đã chốt nợ ngày 11/10/2019 nên yêu cầu của Công ty TL có căn cứ chấp nhận.

- Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 18.014.750 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu không trăm mười bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng): Theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 11/10/2019, giữa Công ty TL và Công ty SM , tổng tiền mà Công ty SM còn nợ Công ty TL là 360.295.000 đồng. Do Công ty SM đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 6.1 Điều 6 hợp đồng, nên còn phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền là 18.014.750 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 300 Luật thương mại nên Công ty TL yêu cầu Công ty SM phải trả số tiền 18.014.750 là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với lãi suất chậm thanh toán: Tại đơn khởi kiện Công ty TL buộc Công ty SM phải trả số tiền chậm thanh toán từ thời điểm chậm thanh toán cho đến khi trả xong. Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty TL thay đổi nội dung nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty SM phải trả cho Công ty TL số lãi chậm thanh toán từ thời gian chậm thanh toán đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy: Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty TL do đại diện theo ủy quyền của Công ty TL trình bày tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong nội dung

hợp đồng các bên không thỏa thuận về nội dung trên. Tuy nhiên, tại mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng có thỏa thuận "Bên A phải thanh toán cho bên B 100% số tiền mà hai bên đã đối chiếu công nợ trong tháng trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên A nhận được chứng từ thanh toán của bên B" nay Công ty TL yêu cầu Công ty SM phải trả lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm (Tương ứng 0,83%/tháng; 0,0278%/ngày) là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 7/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/10/2019 đến ngày 21/03/2022 thời gian chậm thanh toán là 29 tháng 20 ngày) thì Công ty SM phải trả số tiền lãi thanh toán là (122.640.000 đồng x 0,83% x 29 tháng) + (122.640.000 đồng x 0.0278% x 20 ngày) = 30.201.326 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 8/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/11/2019 đến ngày 21/03/2022 thời gian chậm thanh toán là 28 tháng 20 ngày) thì Công ty SM phải trả số tiền lãi thanh toán là (100.912.500 đồng x 0,83% x 28 tháng) + (100.912.500 đồng x 0,0278% x 20 ngày) = 24.013.138 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 9/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/12/2019 đến ngày 21/03/2022 thời gian chậm thanh toán là 27 tháng 20 ngày) thì Công ty SM phải trả số tiền lãi thanh toán là (88.042.500 đồng x 0,83% x 27 tháng) + (88.042.500 đồng x 0,0278% x 20 ngày) = 20.219.840 đồng.

+ Đối với công nợ phát sinh từ tháng 10/2019 (thời gian tính lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến ngày 21/03/2022 thời gian chậm thanh toán là 26 tháng 20 ngày) thì công ty SM phải trả số tiền lãi thanh toán là (48.700.000 đồng x 0,83% x 26 tháng) + (48.700.000 đồng x 0,0278% x 20 ngày) = 10.780.232 đồng.

Vậy, tổng số tiền lãi chậm thanh toán mà Công ty SM phải trả cho Công ty TL là 30.201.326 đồng + 24.013.138 đồng + 20.219.840 đồng + 10.780.232 đồng = 85.214.536 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên Công ty SM phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 50; Điều 55; Điều 300; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Công ty SM phải trả cho Công ty TL tổng số tiền là 463.524.286 đồng (*Bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 360.295.000 đồng; tiền phạt hợp đồng là 18.014.750 đồng, tiền lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 21/3/2022 là 85.214.536 đồng.

2. Án phí: Công ty SM phải chịu 22.540.900 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TL tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả Công ty TL số tiền tạm ứng án phí 10.900.000 đồng, theo biên lai số 0000227 ngày 14/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BGi .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Đình Hưng